

CHỈ ĐỊNH CẤY MÁY TẠO NHỊP



Chỉ Định Đặt Máy Tạo Nhịp Tim Vĩnh Viễn

- Loại I
 - ◆ cách trị liệu đã được thống nhất
- Loại II
 - ◆ cách trị liệu còn gây bàn tán
- Loại III
 - ◆ đã được thống nhất là chống lại cách trị liệu

Chỉ Định Điều Trị Bằng Máy Tạo Nhịp

- Yếu tố ảnh hưởng
- Chỉ định
 - ◆ thiếu nhi
 - ◆ máy chống nhịp tim nhanh
 - ◆ máy phá rung tự động

Yếu Tố Ảnh Hưởng

- Tình trạng chung của bệnh nhân
- Bệnh tim trầm trọng thêm vì triệu chứng nhịp chậm
- Nhu cầu đi lại của bệnh nhân (lái xe)
- Vùng ở thiếu phương tiện y-tế

Yếu Tố Ảnh Hưởng

- Bệnh nhân dùng thuốc hạ thấp nhịp tim
- Nhịp bộ nối (escape rhythm) chậm dần
- Tai biến mạch máu não
- Ý muốn của bệnh nhân và gia đình

CHỈ ĐỊNH

Block NT Cấp 1

- Thời gian PR > 240 ms



Blốc NT Cấp 2 (Mobitz I) Wenckebach

- Thời gian PR sẽ tăng dần cho tới khi một phức bộ QRS sẽ mất đi



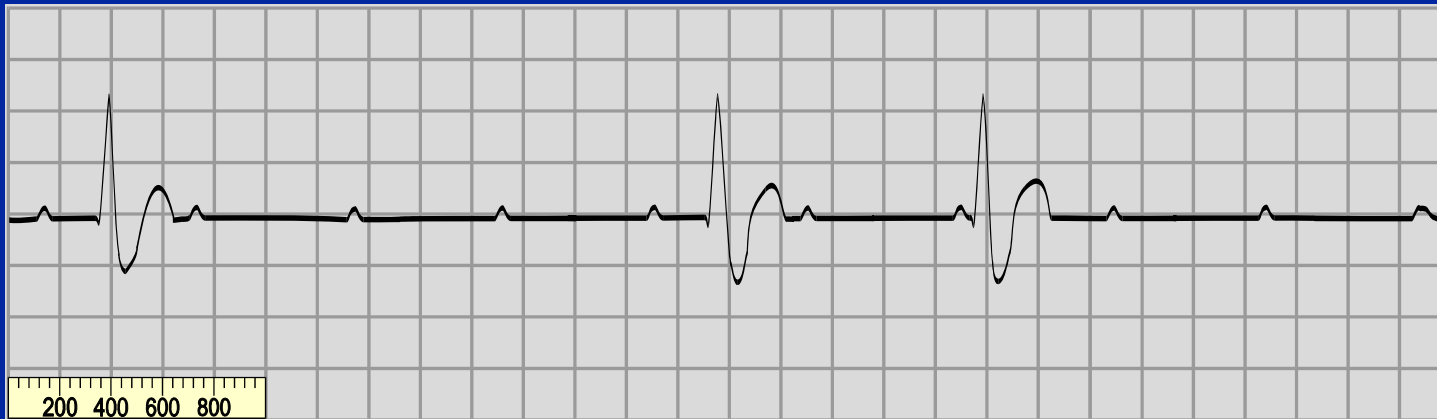
Blốc NT Cấp 2 (Mobitz II)

- Sóng P cứ cách một là không dẫn xuống được tâm thất
- dẫn truyền 2:1



Block Cấp 3

- Phân ly nhĩ thất: sóng khử cực nhĩ hoàn toàn không dẫn được xuống tâm thất



Blốc NT Không Bẩm Sinh Chỉ Định Loại I

- Blốc tim hoàn toàn với
 - ◆ triệu chứng nhịp chậm
 - ◆ suy tim
 - ◆ nhịp chậm tạo nên bởi thuốc
 - ◆ suy tâm thu
 - ◆ trạng thái lú lẫn
 - ◆ sau đốt nút NT, cơ tim bị suy yếu

Blốc NT

Chỉ Định Loại I

- Blốc NT cấp 2
 - ◆ có triệu chứng (ngất độ 1-4)
- Rung nhĩ, cuồng động nhĩ, nhịp tim nhanh trên thất
 - ◆ cộng với
 - blốc tim hoàn toàn
 - blốc NT nặng
 - nhịp tim chậm

Blốc NT

Chỉ Định Loại II

- Không có triệu chứng
 - ◆ blốc tim hoàn toàn
 - Nhịp > 40 ck/ph
 - ◆ blốc NT cấp 2 II (Mobitz II)
 - ◆ blốc NT cấp 2 I (Wenckebach)
 - Ngay sau hoặc trong bó His

Blốc NT

Chỉ Định Loại III

- Blốc NT cấp 1
- Không có triệu chứng
 - ◆ blốc NT cấp 2 I

SAU NHỒI MÁU CƠ TIM

Chỉ định tạo nhịp tạm thời sau một cơn nhồi máu cơ tim không hẳn là chỉ định tạo nhịp vĩnh viễn.

Sau Nhồi Máu Cơ Tim

Loại I

- Bloc NT cấp 2
- Bloc hoàn toàn
 - ◆ sau cơn nhồi máu cơ tim bất thần
- Bloc NT với bloc các nhánh bó

Sau Nhồi Máu Cơ Tim

Loại II

- block ở nút NT

Sau Nhồi Máu Cơ Tim

Loại III

- Thay đổi dẫn truyền NT nhất thời
- Blocc NT nhất thời
- Blocc phân nửa nhánh trái trước do bệnh lý.
- Blocc NT với blocc các nhánh.

Block Hai hay Ba Nhánh Bó Loại I

- Có triệu chứng
 - ◆ với block cấp 2 II nhất thời

Blốc Hai hay Ba Nhánh Bó

Loại II

- Với ngắt
 - ◆ nghi do blốc tim hoàn toàn

Block Hai hay Ba Nhánh Bó

Loại III

- Không có triệu chứng block NT
- Không có triệu chứng
 - ◆ block NT cấp 1

Loạn Nút Xoang

Loại I

- Với triệu chứng nhịp chậm có chẩn đoán đầy đủ

Loạn Nút Xoang

Loại II

- Nhịp < 40 ck/ph
 - ◆ nhịp chậm
 - không có triệu chứng
 - không có hồ sơ

Loạn Nút Xoang

Loại III

- Loạn nút xoang với
 - ◆ triệu chứng ám thị nhịp chậm
 - không có phối hợp với nhịp tim chậm
 - ◆ không có triệu chứng
 - nhịp tim < 40 ck/ph
 - bỏ dùng thuốc lâu dài

Hội Chứng Tăng Nhạy Cảm Xoang Cảnh Loại I

- Ngất cách hồi
 - ◆ nhấn nhẹ vào nút động mạch cảnh
 - ◆ vô tâm thu quá 3 giây
 - ◆ không dùng thuốc
 - giảm nút xoang hay nút NT

Hội Chứng Tăng Nhạy Cảm Xoang Cảnh Loại II

- Ngất hồi quy
 - ◆ phản ứng thích ứng
 - ◆ không hẳn là triệu chứng
- Ngất
 - ◆ nhịp chậm có thể tạo lại khi khám
 - ngưỡng đầu lên, quay đầu
 - ◆ tạo nhịp tạm thời
 - có hiệu quả khi thử nghiệm lần sau

Hội Chứng Tăng Nhạy Cảm Xoang Cảnh Loại III

- Không triệu chứng
 - ◆ phản ứng thích ứng
- Triệu chứng mơ hồ
 - ◆ choáng mặt
 - phản ứng thích ứng
- Ngất hồi quy
 - ◆ không có phản ứng thích ứng

CẤY MÁY TẠO NHỊP Ở TRẺ EM

Trẻ Em

Loại I

- block NT cấp 2 hay 3
 - ◆ nhịp tim chậm có triệu chứng
- block NT cấp 2 hay 3
 - ◆ không chịu đựng được hoạt động mạnh
- Liệt mắt

Trẻ Em

Loại I

- Triệu chứng suy nút xoang
 - ◆ triệu chứng nhịp chậm
- Bloc NT bẩm sinh
 - ◆ sau bó HIS
- Bloc cấp 2 hay 3
 - ◆ 10-14 ngày sau phẫu thuật tim

Trẻ Em

Loại II

- Triệu chứng nhịp tim chậm - nhanh
 - ◆ cần thuốc chống loạn nhịp
- block NT cấp 2 hay 3 không có triệu chứng
- Nhịp bộ nối (escape rhythm) chậm

Trẻ Em

Loại II

- Bloc NT cấp 2 hay 3 do phẫu thuật
 - ◆ thành bloc hai nhánh bó
- Bloc cấp 2 hay 3 không triệu chứng
 - ◆ nhịp thất < 45 CK/ph khi tỉnh

Trẻ Em

Loại II

- Blocc NT hoàn toàn
 - ngưng 2 hay 3 chu kỳ khi nghỉ
 - nhịp tim chỉ thay đổi ít
- Không có triệu chứng khi mới sinh
 - blocc tim bẩm sinh, nhịp tim chậm
- Loạn thất
 - với blocc NT cấp 2 hay 3
- Triệu chứng QT dài

Trẻ Em

Loại III

- Bloc hai nhánh bó sau phẫu thuật không triệu chứng
 - ◆ với bloc cấp 1
- Bloc NT do phẫu thuật
 - ◆ trở lại bình thường sau <1 tuần
- Bloc cấp 2 I không triệu chứng
- Bloc tim bẩm sinh không triệu chứng
 - ◆ không cùng nhịp chậm

CHỈ ĐỊNH KÍCH THÍCH CHỐNG NHỊP TIM NHANH

Nhịp Xoang Nhanh

- Dẫn truyền ở thất lệ sau khử cực ở nhĩ



Kích Thích Chống Nhịp Tim Nhanh Loại I

- Triệu chứng tim nhanh trên thất
 - ◆ thuốc không công hiệu
- Triệu chứng thất nhanh cách hồi
 - ◆ sau cấy máy phá rung
 - ◆ thuốc không công hiệu
 - ◆ không còn cách trị liệu khác

Kích Thích Chống Nhịp Tim Nhanh Loại II

- Tim nhanh trên thất cách hồi
 - ◆ dùng máy thay thuốc

Kích Thích Chống Nhịp Tim Nhanh Loại III

- Kích thích sẽ chuyển nhịp nhanh sang rung thất
- Đường dẫn truyền phụ
 - ◆ dẫn truyền ngược dòng nhanh

CHỈ ĐỊNH CẤY MÁY PHÁ RUNG TỰ ĐỘNG

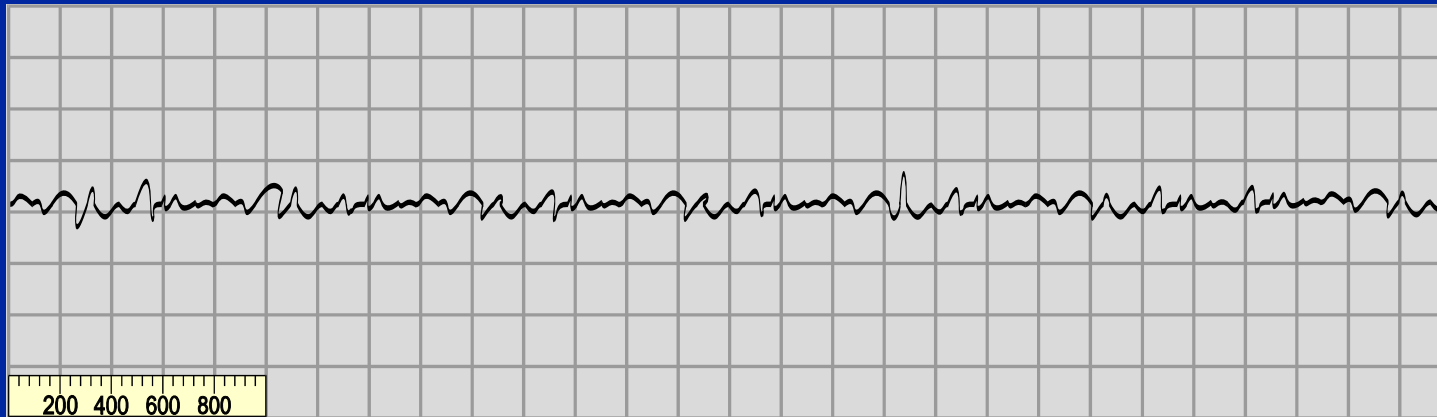
Tim Nhanh Thất

- Khử cực nhanh ở thất
- Suy giảm chức năng tim mạch do nhịp nhanh
- Có thể nguy hiểm đến sinh mạng



Rung Thắt

- Hệ thống dẫn truyền rối loạn
- Không đo được chức năng tim



Máy Phá Rung Tự Động Loại I

- Thất nhanh hay rung
 - ◆ Có quá trình
 - ◆ Không thể trị bằng
 - thuốc
 - đốt với ống thông

Máy Phá Rung Tự Động

Loại II

- Thất nhanh có ảnh hưởng đến sự luân chuyển máu
 - ◆ đã xảy ra ít nhất là 1 lần
 - ◆ có hồ sơ
 - ◆ có thể trị bằng thuốc

Máy Khử Rung Tự Động

Loại II

- Ngắt hồi quy
 - ◆ Thất nhanh hay rung có ảnh hưởng đến sự luân chuyển máu
 - ◆ Trị bằng thuốc
 - không nên hay không có phương tiện

Máy Phá Rung Tự Động

Loại III

- Ngất vì lý do không định được
 - ◆ không cùng nhịp nhanh
- Loạn nhịp không do
 - ◆ thất nhanh hay rung
- Thất nhanh hay rung thường xuyên

HẾT PHẦN II

